|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO--------** |  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: 17/2011/TT-BGDĐT | *Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2011* |

**THÔNG TƯ**

BAN HÀNH QUY ĐỊNH CHUẨN HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Nghị định số*[*32/2008/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=32/2008/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)*ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số*[*24/2010/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=24/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)*ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số*[*93/2010/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=93/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)*ngày 31 tháng 8 năm 2010 sửa đổi một số điều của Nghị định số*[*24/2010/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=24/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)*về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;*

*Căn cứ Nghị định số*[*75/2006/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=75/2006/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)*ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định:*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non.

**Điều 2.** Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 6 năm 2011.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lí cơ sở giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc sở giáo dục và đào tạo, hiệu trưởng trường mầm non, trường mẫu giáo, nhà trẻ, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Văn phòng Quốc hội;- Văn phòng Chính phủ;- Hội đồng Quốc gia Giáo dục;- Ban Tuyên giáo TƯ;- Kiểm toán nhà nước;- Bộ Tư pháp (Cục KTr VBQPPL);- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ,  cơ quan thuộc Chính phủ;- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; | **KT.BỘ TRƯỞNGTHỨ TRƯỞNGNguyễn Thị Nghĩa** |

**QUY ĐỊNH**

CHUẨN HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011 /TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Văn bản này quy định Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non, bao gồm: Chuẩn hiệu trưởng; đánh giá, xếp loại hiệu trưởng theo Chuẩn.

2. Quy định này áp dụng đối với hiệu trưởng trường mầm non, trường mẫu giáo, nhà trẻ thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (sau đây gọi chung là hiệu trưởng).

**Điều 2. Mục đích ban hành quy định Chuẩn hiệu trưởng**

1. Làm căn cứ để hiệu trưởng tự đánh giá và tự xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, học tập, rèn luyện nhằm không ngừng nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp; năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm; năng lực lãnh đạo, quản lý nhà trường mầm non và năng lực tổ chức, phối hợp với gia đình trẻ và xã hội.

2. Làm căn cứ để cơ quan quản lý giáo dục đánh giá, xếp loại hiệu trưởng phục vụ công tác sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng và đề xuất, thực hiện chế độ, chính sách đối với hiệu trưởng;

3. Làm căn cứ để các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của hiệu trưởng.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chuẩn hiệu trưởng là hệ thống các tiêu chuẩn đối với hiệu trưởng về phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp; năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm; năng lực quản lý nhà trường; năng lực tổ chức phối hợp với gia đình trẻ và xã hội.

2. Tiêu chuẩn là quy định về những nội dung cơ bản, đặc trưng thuộc mỗi lĩnh vực của chuẩn.

3. Tiêu chí là yêu cầu và điều kiện cần đạt ở một nội dung cụ thể của mỗi tiêu chuẩn.

4. Minh chứng là các bằng chứng (tài liệu, tư liệu, sự vật, hiện tượng, nhân chứng) được dẫn ra để xác nhận một cách khách quan mức đạt được của tiêu chí.

**Chương II**

**CHUẨN HIỆU TRƯỞNG**

**Điều 4. Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp**

1. Tiêu chí 1. Phẩm chất chính trị

a) Yêu Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì lợi ích dân tộc, vì hạnh phúc nhân dân, trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam;

b) Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; điều lệ, quy chế, quy định của ngành, của địa phương và của nhà trường;

c) Tích cực tham gia các hoạt động chính trị - xã hội; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân;

d) Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí; thực hành tiết kiệm.

2. Tiêu chí 2. Đạo đức nghề nghiệp

a) Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; trung thực, tận tâm với nghề nghiệp và có trách nhiệm trong quản lý nhà trường.

b) Hoàn thành nhiệm vụ được giao và tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ;

c) Không lợi dụng chức vụ, quyền hạn vì mục đích vụ lợi;

d) Được tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng tín nhiệm; là tấm gương trong tập thể sư phạm nhà trường.

3. Tiêu chí 3. Lối sống, tác phong

a) Có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc văn hoá dân tộc và môi trường giáo dục;

b) Sống nhân ái, độ lượng, bao dung;

c) Có tác phong làm việc khoa học, sư phạm.

4. Tiêu chí 4. Giao tiếp, ứng xử

a) Thân thiện, thương yêu, tôn trọng và đối xử công bằng với trẻ;

b) Gần gũi, tôn trọng, đối xử công bằng, bình đẳng và giúp đỡ cán bộ, giáo viên, nhân viên;

c) Hợp tác và tôn trọng cha mẹ trẻ;

d) Hợp tác với chính quyền địa phương và cộng đồng xã hội trong chăm sóc và giáo dục trẻ.

5. Tiêu chí 5. Học tập, bồi dưỡng

a) Học tập, bồi dưỡng và tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức; năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, năng lực lãnh đạo và quản lý nhà trường;

b) Tạo điều kiện và giúp đỡ cán bộ, giáo viên, nhân viên học tập, bồi dưỡng và rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức; năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm.

**Điều 5. Tiêu chuẩn 2. Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm**

1. Tiêu chí 6. Trình độ chuyên môn

a) Đạt trình độ chuẩn đào tạo của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục đối với giáo dục mầm non;

b) Có năng lực chuyên môn để chỉ đạo các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non;

c) Có năng lực tư vấn, hướng dẫn và giúp đỡ cán bộ, giáo viên, nhân viên về chuyên môn giáo dục mầm non;

d) Có kiến thức phổ thông về chính trị, kinh tế, y tế, văn hóa, xã hội liên quan đến giáo dục mầm non.

2. Tiêu chí 7. Nghiệp vụ sư phạm

a) Có khả năng vận dụng các phương pháp đặc thù của giáo dục mầm non trong nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

b) Có năng lực tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non;

c) Có năng lực tư vấn, hướng dẫn và giúp đỡ cán bộ, giáo viên, nhân viên về nghiệp vụ sư phạm của giáo dục mầm non.

3. Tiêu chí 8. Khả năng tổ chức triển khai chương trình giáo dục mầm non

a) Nắm vững chương trình giáo dục mầm non;

b) Có khả năng triển khai thực hiện chương trình giáo dục mầm non phù hợp với đối tượng và điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương;

c) Có năng lực hướng dẫn và giúp đỡ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục mầm non.

**Điều 6. Tiêu chuẩn 3. Năng lực quản lý trường mầm non**

1. Tiêu chí 9. Hiểu biết nghiệp vụ quản lý

a) Hoàn thành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục theo quy định;

b) Vận dụng được các kiến thức cơ bản về lý luận và nghiệp vụ quản lý trong lãnh đạo, quản lý nhà trường.

2. Tiêu chí 10. Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển nhà trường

a) Dự báo được sự phát triển của nhà trường, phục vụ cho việc xây dựng quy hoạch và kế hoạch;

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển nhà trường toàn diện và phù hợp;

c) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch năm học.

3. Tiêu chí 11. Quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường

a) Thành lập, kiện toàn tổ chức bộ máy, bổ nhiệm các chức vụ quản lý theo quy định; Quản lý hoạt động của tổ chức bộ máy nhà trường nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục;

b) Sử dụng, đào tạo bồi dưỡng, đánh giá xếp loại, khen thưởng kỉ luật, thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định;

c) Tổ chức hoạt động thi đua trong nhà trường; xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đoàn kết, đủ phẩm chất, năng lực để thực hiện mục tiêu giáo dục, được cha mẹ trẻ tín nhiệm.

4. Tiêu chí 12. Quản lý trẻ em của nhà trường

a) Tổ chức huy động và tiếp nhận trẻ em trong độ tuổi trên địa bàn đến trường theo quy định, thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi;

b) Tổ chức quản lý trẻ em trong trường mầm non theo quy định;

c) Tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em khuyết tật trong nhà trường;

d) Thực hiện các chế độ chính sách, bảo vệ quyền trẻ em.

5. Tiêu chí 13. Quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

a) Tổ chức và chỉ đạo các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc để đảm bảo an toàn và sức khỏe cho trẻ;

b) Tổ chức và chỉ đạo các hoạt động giáo dục để trẻ em phát triển toàn diện, hài hòa.

c) Quản lý việc đánh giá kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo quy định.

6. Tiêu chí 14. Quản lý tài chính, tài sản nhà trường

a) Huy động và sử dụng đúng quy định của pháp luật các nguồn tài chính phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

b) Quản lý sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và theo quy định của pháp luật;

c) Xây dựng, bảo quản, khai thác và sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, tài liệu của nhà trường theo quy định.

7. Tiêu chí 15. Quản lý hành chính và hệ thống thông tin

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện các quy định về quản lý hành chính trong nhà trường;

b) Quản lý và sử dụng các loại hồ sơ, sổ sách theo đúng quy định;

c) Xây dựng và sử dụng hệ thống thông tin phục vụ hoạt động quản lý, hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kịp thời, đầy đủ theo quy định;

d) Tổ chức sử dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động quản lý và thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

8. Tiêu chí 16. Tổ chức kiểm tra, kiểm định chất lượng giáo dục

a) Tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý nhà trường theo quy định;

b) Chấp hành thanh tra giáo dục của các cấp quản lý theo quy định;

c) Thực hiện kiểm định chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo quy định.

9. Tiêu chí 17. Thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường

a) Xây dựng quy chế dân chủ trong nhà trường theo quy định;

b) Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, tạo điều kiện cho các đoàn thể, tổ chức xã hội trong nhà trường hoạt động nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

**Điều 7. Tiêu chuẩn 4. Năng lực tổ chức phối hợp với gia đình trẻ và xã hội**

1. Tiêu chí 18. Tổ chức phối hợp với gia đình trẻ

a) Tổ chức phối hợp với gia đình trẻ và Ban đại diện cha mẹ trẻ em để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

b) Tổ chức tuyên truyền trong cha mẹ trẻ và cộng đồng về hoạt động, truyền thống, văn hóa nhà trường, mục tiêu và nhiệm vụ của giáo dục mầm non;

c) Tổ chức phổ biến kiến thức khoa học về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ cho cha mẹ trẻ và cộng đồng.

2. Tiêu chí 19. Phối hợp giữa nhà trường và địa phương

a) Tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương nhằm phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn;

b) Tổ chức huy động các nguồn lực của cộng đồng, các tổ chức kinh tế, chính trị-xã hội và các cá nhân trong cộng đồng góp phần xây dựng nhà trường thực hiện các mục tiêu giáo dục mầm non;

c) Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ tham gia các hoạt động xã hội trong cộng đồng.

**Chương III**

**ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI HIỆU TRƯỞNG THEO CHUẨN**

**Điều 8. Yêu cầu đánh giá, xếp loại hiệu trưởng**

1. Việc đánh giá, xếp loại hiệu trưởng phải đảm bảo khách quan, toàn diện, khoa học, công bằng và dân chủ; phản ánh đúng phẩm chất, năng lực, hiệu quả công tác, phải đặt trong phạm vi công tác và điều kiện cụ thể của nhà trường, địa phương.

2. Việc đánh giá, xếp loại hiệu trưởng phải căn cứ vào các kết quả được minh chứng phù hợp với các tiêu chí, tiêu chuẩn của chuẩn được quy định tại chương II của văn bản này.

**Điều 9. Phương pháp đánh giá, xếp loại hiệu trưởng**

1. Việc đánh giá hiệu trưởng phải căn cứ vào các kết quả đạt được dựa trên các minh chứng liên quan để cho điểm từng tiêu chí. Điểm tiêu chí tính theo thang điểm 10, là số nguyên, tổng điểm tối đa của 19 tiêu chí là 190.

2. Việc xếp loại hiệu trưởng phải căn cứ vào tổng số điểm và mức độ đạt được của các tiêu chí, cụ thể như sau:

a) Đạt chuẩn:

- Loại xuất sắc: Tổng số điểm từ 171 đến 190 và các tiêu chí phải đạt từ 8 điểm trở lên;

- Loại khá: Tổng số điểm từ 133 trở lên và các tiêu chí phải đạt từ 6 điểm trở lên;

- Loại trung bình: Tổng số điểm từ 95 trở lên, các tiêu chí của tiêu chuẩn 1 và 3 phải đạt từ 5 điểm trở lên, không có tiêu chí 0 điểm.

b) Chưa đạt chuẩn - loại kém:

Tổng số điểm dưới 95 hoặc thuộc một trong hai trường hợp sau :

- Có tiêu chí 0 điểm;

- Có tiêu chí trong các tiêu chuẩn 1và 3 dưới 5 điểm.

**Điều 10. Thành phần và quy trình đánh giá, xếp loại hiệu trưởng**

1. Thành phần đánh giá, xếp loại hiệu trưởng gồm: hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, đại diện tổ chức cơ sở Đảng, Ban Chấp hành Công đoàn, Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trường; cán bộ, giáo viên, nhân viên cơ hữu của nhà trường; thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý hiệu trưởng.

2. Quy trình đánh giá, xếp loại hiệu trưởng:

a) Hiệu trưởng tự đánh giá, xếp loại theo mẫu phiếu trong Phụ lục 1.

b) Nhà trường tổ chức đánh giá hiệu trưởng:

Đại diện của tổ chức cơ sở Đảng hoặc Ban Chấp hành Công đoàn nhà trường chủ trì thực hiện các bước sau:

- Hiệu trưởng báo cáo kết quả tự đánh giá, xếp loại trước tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường;

- Cán bộ, giáo viên, nhân viên cơ hữu của nhà trường đóng góp ý kiến và tham gia đánh giá hiệu trưởng theo mẫu phiếu trong Phụ lục 2;

- Các phó hiệu trưởng, đại diện tổ chức cơ sở Đảng, Ban Chấp hành Công đoàn và Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trường tổng hợp các ý kiến đóng góp và kết quả tham gia đánh giá hiệu trưởng của cán bộ, giáo viên, nhân viên cơ hữu của nhà trường; nhận xét, góp ý cho hiệu trưởng theo mẫu phiếu trong Phụ lục 3.

c) Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý đánh giá hiệu trưởng:

- Tham khảo kết quả tự đánh giá, xếp loại của hiệu trưởng; kết quả đánh giá của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường (được thể hiện trong các mẫu phiếu của Phụ lục 1, 2, 3) và các nguồn thông tin xác thực khác, chính thức đánh giá, xếp loại hiệu trưởng theo mẫu phiếu trong Phụ lục 4;

- Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại tới hiệu trưởng, tới tập thể giáo viên, cán bộ, nhân viên nhà trường và lưu kết quả trong hồ sơ cán bộ.

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 11. Thực hiện đánh giá, xếp loại hiệu trưởng**

1. Đánh giá, xếp loại hiệu tr­ưởng được thực hiện hằng năm vào cuối năm học.

2. Đối với hiệu trưởng trường mầm non, trường mẫu giáo, nhà trẻ, ngoài việc đánh giá, xếp loại hiệu trưởng theo Chuẩn còn phải thực hiện đánh giá, xếp loại theo các quy định hiện hành.

**Điều 12. Trách nhiệm của các bộ và địa phương**

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý các trường mầm non chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện Thông tư này và thông báo kết quả đánh giá, xếp loại hiệu trưởng cho Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Giám đốc sở giáo dục và đào tạo tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch và tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện Thông tư này; báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo kết quả đánh giá, xếp loại hiệu trưởng.

3. Trưởng phòng giáo dục và đào tạo tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai kế hoạch và chỉ đạo các trường thực hiện Thông tư này; báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp huyện và sở giáo dục và đào tạo kết quả đánh giá, xếp loại hiệu trưởng./.

**PHỤ LỤC I**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4  năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**Phòng Giáo dục và Đào tạo:** . . . . . . . . . . . . . .

**Trường mầm non, mẫu giáo, nhà trẻ :** . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

**PHIẾU HIỆU TRƯỞNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

**Họ và tên hiệu trưởng** : . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . **Năm học** : . . . . . . . . .

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn** | **Tiêu chí** | **Điểm tiêu chí** |   |
|  |
| **Tiêu chuẩn 1.** Phẩmchất chính trị, đạo đức nghề nghiệp | 1. Phẩm chất chính trị |   |   |
| 2. Đạo đức nghề nghiệp |   |   |
| 3. Lối sống, tác phong |   |   |
| 4. Giao tiếp, ứng xử |   |   |
| 5. Học tập, bồi dưỡng |   |   |
| **Tiêu chuẩn 2.** Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm | 6. Trình độ chuyên môn |   |   |
| 7. Nghiệp vụ sư phạm |   |   |
| 8. Khả năng tổ chức triển khai chương trình giáo dục mầm non |   |   |
| **Tiêu chuẩn 3.** Năng lực quản lý trường mầm non | 9. Hiểu biết nghiệp vụ quản lý |   |   |
| 10. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển nhà trường |   |   |
| 11. Quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường |   |   |
| 12. Quản lý trẻ em của nhà trường |   |   |
| 13. Quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ |   |   |
| 14. Quản lý tài chính, tài sản nhà trường |   |   |
| 15. Quản lý hành chính và hệ thống thông tin |   |   |
| 16. Tổ chức kiểm tra, kiểm định chất lượng giáo dục |   |   |
| 17. Thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường |   |   |
| **Tiêu chuẩn 4.** Năng lực tổ chức phối hợp với gia đình trẻ và xã hội | 18. Tổ chức phối hợp với gia đình trẻ |   |   |
| 19. Phối hợp giữa nhà trường và địa phương |   |   |
|   | **Tổng điểm, tổng số tiêu chí tương ứng** |   |   |
|   | **Xếp loại** |   |   |

**Chú ý :**

***1. Cách cho điểm :***

- Điểm cho tiêu chí theo thang điểm 10, là số nguyên;

- Ghi đầy đủ số điểm từng tiêu chí, tổng điểm.

***2. Xếp loại :***Xếp 1 trong 4 loại : Xuất sắc (XS); Khá; Trung bình (TB); Kém.

**Các minh chứng :**

1. Minh chứng cho đánh giá Tiêu chuẩn 1:

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

2. Minh chứng cho đánh giá Tiêu chuẩn 2 :

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

3. Minh chứng cho đánh giá Tiêu chuẩn 3:

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

4. Minh chứng cho đánh giá Tiêu chuẩn 4:

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

**Đánh giá chung :**

1. Những điểm mạnh :

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

2. Những điểm yếu :

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

3. Hướng phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu :

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . .  *ngày . . . . . tháng . . . . . năm . . . . .*

*(Chữ kí của hiệu trưởng)*

**PHỤ LỤC II**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**Phòng Giáo dục và Đào tạo:** . . . . . . . . . . . . . .

**Trường mầm non, mẫu giáo, nhà trẻ :** . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

**PHIẾU CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN THAM GIA**

**ĐÁNH GIÁ HIỆU TRƯỞNG**

**Họ và tên hiệu trưởng** : . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . **Năm học** : . . . . . . . . .

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn** | **Tiêu chí** | **Điểm tiêu chí** |
| **Tiêu chuẩn 1.** Phẩmchất chính trị, đạo đức nghề nghiệp | 1. Phẩm chất chính trị |   |
| 2. Đạo đức nghề nghiệp |   |
| 3. Lối sống, tác phong |   |
| 4. Giao tiếp, ứng xử |   |
| 5. Học tập, bồi dưỡng |   |
| **Tiêu chuẩn 2.** Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm | 6. Trình độ chuyên môn |   |
| 7. Nghiệp vụ sư phạm |   |
| 8. Khả năng tổ chức triển khai chương trình giáo dục mầm non |   |
| **Tiêu chuẩn 3.** Năng lực quản lý trường mầm non | 9. Hiểu biết nghiệp vụ quản lý |   |
| 10. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển nhà trường |   |
| 11. Quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường |   |
| 12. Quản lý trẻ em của nhà trường |   |
| 13. Quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ |   |
| 14. Quản lý tài chính, tài sản nhà trường |   |
| 15. Quản lý hành chính và hệ thống thông tin |   |
| 16. Tổ chức kiểm tra, kiểm định chất lượng giáo dục |   |
| 17. Thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường |   |
| **Tiêu chuẩn 4.** Năng lực tổ chức phối hợp với gia đình trẻ và xã hội | 18. Tổ chức phối hợp với gia đình trẻ |   |
| 19. Phối hợp giữa nhà trường và địa phương |   |
|   | **Tổng điểm** |   |

***Chú ý :***Cách cho điểm :

- Điểm cho tiêu chí theo thang điểm 10, là số nguyên;

- Ghi đầy đủ số điểm từng tiêu chí, tổng điểm. Nếu không ghi đủ, phiếu sẽ bị loại.

**Nhận xét chung :**

1. Những điểm mạnh :

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

2. Những điểm yếu :

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . .  *ngày . . . . . tháng . . . . . năm . . . . .*

*Người đánh giá*

(Có thể không ghi)

**PHỤ LỤC III**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**Phòng Giáo dục và Đào tạo:** . . . . . . . . . . . . . .

**Trường mầm non, mẫu giáo, nhà trẻ:** . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THAM GIA ĐÁNH GIÁ HIỆU TRƯỞNG**

**CỦA CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN**

**Họ và tên hiệu trưởng** : . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . **Năm học** : . . . . . . . . .

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn** | **Tiêu chí** | **Điểm tiêu chí (\*)** |   |
|  |
| **Tiêu chuẩn 1.** Phẩmchất chính trị, đạo đức nghề nghiệp | 1. Phẩm chất chính trị |   |   |
| 2. Đạo đức nghề nghiệp |   |   |
| 3. Lối sống, tác phong |   |   |
| 4. Giao tiếp, ứng xử |   |   |
| 5. Học tập, bồi dưỡng |   |   |
| **Tiêu chuẩn 2.** Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm | 6. Trình độ chuyên môn |   |   |
| 7. Nghiệp vụ sư phạm |   |   |
| 8. Khả năng tổ chức triển khai chương trình giáo dục mầm non |   |   |
| **Tiêu chuẩn 3.** Năng lực quản lý trường mầm non | 9. Hiểu biết nghiệp vụ quản lý |   |   |
| 10. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển nhà trường |   |   |
| 11. Quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường |   |   |
| 12. Quản lý trẻ em của nhà trường |   |   |
| 13. Quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ |   |   |
| 14. Quản lý tài chính, tài sản nhà trường |   |   |
| 15. Quản lý hành chính và hệ thống thông tin |   |   |
| 16. Tổ chức kiểm tra, kiểm định chất lượng giáo dục |   |   |
| 17. Thực hiện dân chủ các hoạt động của nhà trường |   |   |
| **Tiêu chuẩn 4.** Năng lực tổ chức phối hợp với gia đình trẻ và xã hội | 18. Tổ chức phối hợp với gia đình trẻ |   |   |
| 19. Phối hợp giữa nhà trường và địa phương |   |   |
|   | **Tổng điểm** |   |   |
|   | **Xếp loại (\*\*)** |   |   |

**Ghi chú:**

(\*) Điểm tiêu chí là điểm trung bình cộng (làm tròn, lấy số nguyên) từ các phiếu của cán bộ, giáo viên, nhân viên.

(\*\*) Căn cứ vào tổng điểm để xếp loại và xếp 1 trong 4 loại: Xuất sắc (171 – 190 điểm); Khá (133 điểm trở lên); Trung bình (95 điểm trở lên); Kém (dưới 95 điểm, hoặc có tiêu chí 0 điểm, hoặc tiêu chuẩn 1 và tiêu chuẩn 3 có tiêu chí dưới 5 điểm).

**A. Tổng hợp ý kiến nhận xét của cán bộ, giáo viên, nhân viên:**

1. Những điểm mạnh :

- Ý kiến của đa số:. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .  . . . . .

 - Ý kiến khác: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

2. Những điểm yếu:

- Ý kiến của đa số:. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .  . . . .

- Ý kiến khác: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

**B. Ý kiến của cán bộ quản lý, đại diện các tổ chức:**

1. Ý kiến của các phó hiệu trưởng: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

2. Ý kiến của cấp ủy Đảng (đại diện tổ chức cơ sở Đảng): . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

3. Ý kiến của BCH Công đoàn trường : . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

 . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

4. Ý kiến của BCH Đoàn TNCS HCM: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . .  . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . .  *ngày . . . . . tháng . . . . . năm . . . . .*

*Người tổng hợp*

(Đại diện tổ chức Đảng hoặc BCH Công đoàn)

(Kí và ghi rõ họ, tên)

**PHỤ LỤC IV**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**Phòng Giáo dục và Đào tạo:** . . . . . . . . . . . . . .

**PHIẾU THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ TRỰC TIẾP**

**ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI HIỆU TRƯỞNG**

**Họ và tên hiệu trưởng** : . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . **Năm học** : . . . . . . . . .

**Trường mầm non, mẫu giáo, nhà trẻ :** . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

**1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá, xếp loại của hiệu trưởng và tham gia đánh giá, xếp loại của cán bộ, giáo viên, nhân viên**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hiệu trưởng tự đánh giá, xếp loại** | **Cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia đánh giá, xếp loại hiệu trưởng** |
| Tổng số điểm | Xếp loại | Tổng số điểm | Xếp loại |
|   |   |   |   |

**2. Nhận xét, đánh giá và xếp loại của thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp:**

a) Những điểm mạnh :

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

b) Những điểm yếu :

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

c) Chiều hướng phát triển:

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

d) Xếp loại : . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . .  *ngày . . . . . tháng . . . . . năm . . . . .*

THỦ TRƯỞNG

*(Kí tên, đóng dấu)*